

Các giai đoạn phát triển trong hệ tư tưởng chính trị dân tộc của Tôn Trung Sơn

TĂNG THANH SANG*
NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

Tôn Trung Sơn là đại diện kiệt xuất trong phái cách mạng dân chủ của giai cấp tư sản, suốt đời lấy việc chấn hưng Trung Hoa làm nhiệm vụ. Vì thế ông không ngừng nỗ lực phấn đấu nhằm hoàn thành nhiệm vụ ấy. Từ quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài đã hình thành nên tư tưởng cách mạng vĩ đại của Tôn Trung Sơn. Trong đó, tư tưởng chủ nghĩa chính trị dân tộc đóng vai trò tiên phong trong lịch sử phát triển chính trị và lịch sử phát triển Nhà nước Trung Quốc. Trong bài viết này, chúng tôi đi sâu tìm hiểu về ba giai đoạn phát triển trong tư tưởng chủ nghĩa chính trị dân tộc của Tôn Trung Sơn.

1. Tư tưởng chính trị dân tộc “Hán tộc”

Cuộc Chiến tranh Trung - Pháp (1884-1885) diễn ra, mặc dù triều đình Mãn Thanh đã giành được những thắng lợi nhất định về mặt quân sự, nhưng vẫn chấp nhận ký Hoà ước thừa nhận đặc quyền của Pháp. Ngay sau đó là những thất bại liên tiếp của Trung Quốc trong các cuộc chiến với nước ngoài, tình hình trong nước càng trở nên rối ren. Chính

quyền Mãn Thanh ngày càng hủ bại và không còn khả năng ứng phó với các nguy cơ xã hội. Đồng thời, dân tộc Mãn với tư cách là một dân tộc thiểu số du nhập vào Trung nguyên, trong lịch sử Trung Quốc, địa vị chính thống của họ một thời gian dài gặp phải thách thức từ phía nhân sĩ người Hán. Đến giai đoạn này, triều Thanh chủ động thi hành chính sách mới nhằm bảo vệ lợi ích của người Mãn, khiến mâu thuẫn giữa các tộc người càng thêm gay gắt. Bên cạnh đó, cùng với việc truyền bá chủ nghĩa dân tộc cận đại phương Tây, triều Thanh dần mất đi uy quyền thống trị hợp pháp. Thế mà vẫn có không ít các lực lượng trong xã hội muốn duy trì chính quyền ấy trên cơ sở của những cải cách thay đổi.

Chúng kiến toàn bộ nghịch cảnh đó, trong tiềm thức của Tôn Trung Sơn, tư tưởng “đánh đổ Mãn Thanh, thành lập dân quốc” từng bước hình thành và hoàn thiện. Trong cuốn “Bác bảo hoàng phái thư”, Tôn Trung Sơn đã chỉ ra một cách rõ ràng rằng: “Nay chính phủ Mãn Thanh đã làm tay sai bán nước, người ngoại quốc lại muốn chiếm nước ta, tất yếu họ sẽ tùy ý

* Ths. Tăng Thanh Sang, NCS Trường Đại học Nam Kinh, Trung Quốc

**Ths. Nguyễn Thị Hương, NCS Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

chiếm được. Vì vậy, để tránh bị chia cắt, ngoài việc đầu tiên phải đánh đổ chính phủ Mãn Thanh, không còn cách cứu vãn nào khác"⁽¹⁾. Khi thành lập Hưng Trung Hội, Tôn Trung Sơn đưa ra tôn chỉ: đánh đuổi giặc Thát, khôi phục Trung Hoa, thành lập chính phủ hợp quần. Năm 1905, Đồng Minh Hội thành lập cũng đưa ra bốn cương lĩnh lớn: Đánh đuổi giặc Thát, khôi phục Trung Hoa, thành lập Dân quốc, bình quân địa quyền. Với vị trí đầu tiên là đánh đuổi giặc Thát đã trực tiếp biểu minh cho yêu cầu trước hết của cách mạng là "trừ Mãn". Tất nhiên, ở đây Tôn Trung Sơn đã phân biệt rõ người Mãn Châu với giai cấp thống trị Mãn Châu nhằm cô lập chính phủ Thanh ở mức cao nhất, phát triển mở rộng lực lượng cách mạng. Việc "trừ Mãn" không chỉ phải lật đổ sự thống trị của chính quyền quý tộc Mãn Châu mà đồng thời cũng lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế đã trở nên lỗi thời, xây dựng một Nhà nước dân chủ cộng hoà: "Chúng ta phải lật đổ chính phủ Mãn Châu, xét về phương diện phải loại trừ người Mãn thì đó là cách mạng dân tộc, nếu xét về phương diện lật đổ chính thể quân chủ thì đó là cách mạng chính trị, nhưng điều đó không có nghĩa phải chia việc này làm hai lần"⁽²⁾. Vì thế đưa ra khẩu hiệu trên thực chất là muốn tiến hành đấu tranh hợp pháp với chính quyền nhà Thanh, điều chỉnh các dân tộc trong nước, đặc biệt là xây dựng Nhà nước với người Hán là trung tâm. Cách mạng Tân Hợi đã được phát động dựa trên sự kích thích tinh thần của Chủ nghĩa dân tộc. Đảng viên cách mạng lấy việc lật đổ vương triều nhà Thanh là con đường phát

triển tiến bộ duy nhất của Trung Quốc.

Mặc dù khẩu hiệu này còn mang những bản sắc nhất định của Chủ nghĩa dân tộc đại Hán, chỉ chú trọng vào việc lật đổ chính quyền Mãn Thanh mà chưa thấy được mối nguy hại của chủ nghĩa đế quốc, .xong nó lại đặc biệt phù hợp với hiện thực xã hội Trung Quốc lúc đó. Dân tộc Trung Hoa khi ấy đang phải chịu hai tầng áp bức dân tộc, vừa chịu sự xâm lược, đè nén của chủ nghĩa đế quốc nước ngoài, lại vừa chịu ách thống trị và áp bức của quý tộc phong kiến Mãn Châu trong nước, quý tộc phong kiến Mãn Châu lại đã là công cụ thống trị của chủ nghĩa đế quốc, trở thành phương diện chủ yếu của mâu thuẫn dân tộc trong nước. Do đó, muốn cứu dân tộc Trung Hoa đang trong cơn nguy khốn, trước hết phải lấy nhiệm vụ lật đổ chính phủ triều Thanh của quý tộc phong kiến Mãn Châu làm nhiệm vụ chính nhằm giải quyết phương diện chủ yếu của mâu thuẫn dân tộc. Tư tưởng chủ nghĩa chính trị dân tộc của Tôn Trung Sơn chính là cương lĩnh chính trị và vũ khí tinh thần quan trọng để giải quyết mâu thuẫn này

2. Tư tưởng chính trị dân tộc "ngũ tộc cộng hoà"

Xuất phát từ mục đích chính trị của mình, trong giai đoạn đầu, Tôn Trung Sơn đã dựa vào lí luận của các dân tộc phương Tây, mượn tư tưởng dân tộc truyền thống để nhấn mạnh phương diện chủng tộc. Và trong một thời điểm lịch sử nhất định, lí luận này đã phát huy tác dụng, nhưng đối với một đất nước đa dân tộc như Trung Quốc, nếu cứ tiếp tục phát triển lí luận

này lên cao tất yếu dẫn đến sự chia rẽ ngày càng nghiêm trọng giữa các dân tộc trong lãnh thổ.

Trước và sau Cách mạng Tân Hợi, các nước đế quốc đã dùng nhiều thủ đoạn, tạo ra những biến động chính trị ở khu vực biên giới phía Bắc, Đông Bắc, Tây Bắc và Tây Nam Trung Quốc (đây vốn là khu vực cư trú của dân tộc Mông Cổ, Hồi, Tây Tạng và là nơi sinh sống của tổ tiên người Mãn Châu) nhằm kích động quan hệ nội bộ và mâu thuẫn dân tộc, nguy cơ chia rẽ ngày càng nghiêm trọng.

Căn cứ vào tình thế đấu tranh chính trị đương thời và tình hình thực tế của quan hệ dân tộc, Tôn Trung Sơn nhận thấy tư tưởng chủ nghĩa chính trị dân tộc trong thời kỳ đầu không còn phù hợp, ông dần chuyển hướng sang tư tưởng Chủ nghĩa chính trị dân tộc “ngũ tộc cộng hoà” (gọi tắt là Chủ nghĩa “Ngũ tộc cộng hoà”). Đây là giai đoạn thứ hai trong quá trình phát triển tư tưởng chủ nghĩa chính trị dân tộc của Tôn Trung Sơn. Nội dung chủ yếu của nó là: kiên trì bình đẳng dân tộc “ngũ tộc cộng hoà”. “Ngũ tộc” ở đây mang một hàm ý rất rõ, ngoài dân tộc Hán là dân tộc chủ thể sinh sống tại khu vực Trung nguyên, chiếm đại đa số nhân khẩu Trung Quốc, còn có bốn dân tộc Mông Cổ, Hồi, Tạng, Mãn vốn đang sinh sống ở những vùng có nguy cơ biên giới cao. Trên cơ sở đó, Tôn Trung Sơn đề xướng tư tưởng bình đẳng dân tộc. Điều này đã được ông khẳng định trong “Ước pháp lâm thời Trung Hoa dân quốc”: “Nhân dân Trung Hoa dân quốc nhất loại bình đẳng, không phân biệt chủng tộc, giai cấp, tôn giáo”⁽³⁾. Sự bình

đẳng thể hiện trên các phương diện chủ yếu như chính trị, kinh tế, văn hoá, tôn giáo. Đồng thời kiến lập “Nhà nước ngũ tộc cộng hoà” với chủ trương chủ quyền thuộc về nhân dân, thống nhất dân tộc, thống nhất lãnh thổ

Tư tưởng bình đẳng dân tộc trong thời kỳ này của Tôn Trung Sơn đã thúc đẩy tình đoàn kết, kích thích nhiệt tình cách mạng của các dân tộc, đặc biệt là các dân tộc thiểu số. Ngay từ thời kỳ đầu của Đồng Minh Hội, khi Tôn Trung Sơn đề xướng cách mạng “trừ Mãn” nhằm thực hiện bình đẳng dân tộc, đã có không ít chí sĩ yêu nước người dân tộc thiểu số háo hức tham gia các tổ chức cách mạng. Về sau trong khởi nghĩa Vũ Xương và quá trình độc lập ở các tỉnh, tư tưởng bình đẳng dân tộc ngày càng đi sâu vào lòng người. Nhân dân các dân tộc Mãn, Mông Cổ, Hồi, Tạng, Miêu không chỉ tích cực tham gia mà còn tập hợp thành một đội ngũ không thể xem thường. Từ đó khiến Cách mạng Tân Hợi từ chỗ đơn thuần là người Hán phản Mãn, nay trở thành người Hán là chủ thể, đoàn kết các dân tộc thiểu số, cùng tiến hành cách mạng tư sản phản đối phong kiến chuyên chế. Khi tổng kết đóng góp của các dân tộc thiểu số với Cách mạng Tân Hợi, Tôn Trung Sơn từng nói: “Khởi nghĩa Vũ Xương Tân Hợi cả nước hưởng ứng, ngũ tộc cộng hoà. Thoả lòng bốn trăm triệu đồng bào”⁽⁴⁾.

Sau Cách mạng Tân Hợi, tư tưởng bình đẳng dân tộc của Tôn Trung Sơn ngày càng cụ thể, các dân tộc ngày càng tán đồng khẩu hiệu “ngũ tộc cộng hoà” thể hiện mong muốn “đồng mưu ngũ tộc hạnh

phúc". Điều đó cho thấy họ đã nhận thức các dân tộc là một trong những thành viên của dân tộc Trung Hoa, là một phần của Trung Quốc. Đồng thời, vào thời điểm này, việc khôi phục ngai vàng là hoàn toàn không thể, bất luận là chính quyền Bắc Kinh hay Nam Kinh đều lấy chính thể cộng hoà làm chiêu bài. Hai chữ "ngũ tộc" trong khẩu hiệu "ngũ tộc cộng hoà" đã dần mất đi ý nghĩa thực tế ban đầu. Các dân tộc sinh sống trên đất nước Trung Quốc đã từng bước tham gia vào quá trình giác ngộ, cùng nhau đấu tranh, cùng nhau cố gắng hết trách nhiệm vinh quang của mình để có cuộc sống tốt đẹp hơn.

Ở giai đoạn này, Tôn Trung Sơn cũng rất chú trọng vào phương diện đối ngoại. Ông nhận thấy nguy cơ của dân tộc Trung Quốc không chỉ là sự mất bình đẳng giữa các dân tộc trong nước mà còn có sự thống trị của các thế lực bên ngoài. Mặc dù hiểu rất rõ các nước đế quốc đang mở rộng thế lực xâm lược và Trung Quốc chưa thể giành được độc lập hoàn toàn, nhưng Tôn Trung Sơn lại không đưa ra chủ trương phản đối chủ nghĩa đế quốc, mà muốn dùng biện pháp hoà bình để cải thiện mối quan hệ đối ngoại, nâng cao địa vị quốc tế của Trung Quốc.

3. Tư tưởng chính trị dân tộc "đại Trung Hoa"

Sau khi Cách mạng Tân Hợi thất bại, Trung Quốc ngày càng lún sâu hơn vào cuộc hỗn chiến cát cứ quân phiệt trong nước và sự khống chế của chủ nghĩa đế quốc. Dưới ách thống trị phản động của giai cấp đại địa chủ đại tư sản và chủ

nghĩa đế quốc, nhân dân đã nếm đủ mọi nỗi khổ đau. Nguy cơ dân tộc ngày càng trở nên trầm trọng. Tôn Trung Sơn đã từng làm "cách mạng lần hai", "vận động hộ quốc", "vận động hộ pháp" nhưng vẫn chưa tìm được con đường chân chính cho cách mạng Trung Quốc. Trong tình hình đó, chính những diễn biến diễn ra trong và ngoài nước đã là những nhân tố tác động đến sự phát triển trong tư tưởng chủ nghĩa chính trị dân tộc của Tôn Trung Sơn.

Thứ nhất, Chiến tranh thế giới lần thứ nhất diễn ra đã thúc đẩy sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, dẫn đến việc thành lập hàng loạt quốc gia dân tộc mới. Tình hình đó buộc các nước đế quốc phải có thái độ điều chỉnh lại mối quan hệ với các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Vào năm 1918, Tổng thống Mỹ đã lần đầu tiên đề cập đến quyền tự quyết dân tộc⁽⁵⁾. Trào lưu mới của thế giới là độc lập dân tộc đã khơi dậy cho Tôn Trung Sơn niềm tin về việc kiến lập một quốc gia dân tộc chân chính. Ông nhận thấy: "Chiến tranh châu âu kết thúc, tình hình thế giới thay đổi, một xu hướng mới được đặc biệt chú trọng là quyền tự quyết dân tộc. Đặc biệt, nước ta là vấn đề lớn nhất trong các dân tộc trên thế giới", do đó, "bây giờ không những là cần thực hiện hai chủ nghĩa dân quyền và dân sinh, mà còn cần phải thích ứng với trào lưu hiện đại". Nói một cách rõ ràng, nếu như châu âu "thiết lập được rất nhiều quốc gia dân tộc độc lập mới", cũng là "trào lưu tư tưởng dân tộc hiện đại"⁽⁶⁾.

Thứ hai, đúng lúc Tôn Trung Sơn đang trăn trở tìm một hướng đi mới thì Cách

mạng Tháng Mười Nga nổ ra khiến Tôn Trung Sơn như đang trong màn đêm nhìn thấy ánh sáng của cách mạng. Lần đầu tiên trong lịch sử ở nước Nga, chính quyền đã về tay những người công nhân và nông dân mặc áo lính. Chính quyền mới thi hành chính sách hoà bình, ban cho các dân tộc quyền tự quyết và các quyền tự do dân chủ cho tất cả những người lao động. Có tiếng vang lớn nhất là chính sách đối ngoại hoà bình, thái độ chính nghĩa của chính quyền Xô Viết đối với các dân tộc bị áp bức dựa trên nguyên tắc bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau⁽⁷⁾. Đối với Trung Quốc, chính quyền Xô Viết đã tuyên bố bãi bỏ tất cả những Hiệp ước và những khoản nợ mà Nga Hoàng đã áp đặt. Điều này tương phản sắc nét với thực tế các nước đế quốc xâm lược, cho nên đã có tác động to lớn đến tư tưởng của Tôn Trung Sơn, khích lệ ông hướng đến nước Nga để tìm kiếm kinh nghiệm và con đường đấu tranh cách mạng mới. Tôn Trung Sơn là người đầu tiên trong số những lực lượng yêu nước của Trung Quốc đề nghị các nước châu Á thừa nhận nước Nga Xô Viết, đề nghị tuyên truyền rộng rãi những thành quả của Cách mạng Tháng Mười. Đồng thời, ông gửi thư cho Lênin và nói: Tuyên bố của Liên Xô đối với Trung Quốc, “khiến cho nhân dân nước tôi tràn đầy hy vọng. Từ đó, Trung Quốc thoát khỏi ách thống trị của các nước đế quốc chủ nghĩa, phong trào giải phóng dân tộc cũng hoàn thành”⁽⁸⁾. Tôn Trung Sơn cũng đánh giá rất cao lý luận quyền tự quyết dân tộc do Lênin đề ra. Ông nhận thấy, “Lênin đã khởi xướng quyền tự quyết cho các dân tộc bị áp bức, vì những

người bị áp bức trên thế giới chống lại sự bất công”⁽⁹⁾.

Thứ ba, Chiến tranh thế giới lần thứ nhất đã tạo ra cơ hội cho Nhật Bản gần như giành được quyền độc chiếm Trung Quốc, sau chiến tranh, các nước đế quốc lại thoả hiệp với nhau để cùng nhau chi phối, “cùng nhau cai quản Trung Quốc”. Đồng thời, do sự thao túng và can thiệp của họ, chiến tranh quân phiệt diễn ra liên miên, cục diện chính trị hỗn loạn, quốc gia bị phân liệt nghiêm trọng. Hoạt động chia rẽ trong một thời gian dài của các nước đế quốc cũng khiến cho các khu vực biên cương của Trung Quốc thời kỳ này không ổn định. Phái quân phiệt Bắc Dương dưới sự ủng hộ của chủ nghĩa đế quốc đã thực hiện chính sách áp bức dân tộc mới, “ngũ tộc cộng hoà” chỉ còn tồn tại trên danh nghĩa. Niềm hy vọng và ảo tưởng của Tôn Trung Sơn đối với các nước Âu Mỹ đã dần mất đi. Ông nhận thức sâu sắc rằng, Trung Quốc hiện đang “như cá nằm trên thớt, địa vị của chúng ta đang ở thời kỳ nguy hiểm nhất điều lo lắng đó là họa mất nước”⁽¹⁰⁾. Do đó, Tôn Trung Sơn đã nêu rõ yêu cầu cấp bách của các dân tộc Trung Quốc là phải thống nhất thành một dân tộc lớn mạnh không thể lay chuyển. Ông lại một lần nữa nhấn mạnh cần phải xúc tiến mục đích mà chủ nghĩa dân tộc đã đề xướng. Rõ ràng, Tôn Trung Sơn đã có sự nhận thức mới về chủ nghĩa đế quốc, từng bước nhận ra đối tượng trực tiếp của cách mạng.

Thứ tư, Chiến tranh thế giới lần thứ nhất diễn ra cũng buộc các nước châu Âu phải tạm thời buông lơì sự bành trướng

kinh tế ở Trung Quốc, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của công nghiệp tư bản dân tộc Trung Quốc: “Sự phát triển của công nghiệp tư bản dân tộc Trung Quốc thời kỳ này được gọi là “thời đại hoàng kim”⁽¹¹⁾. Lực lượng của giai cấp tư sản tiếp tục lớn mạnh, yêu cầu thống nhất quốc gia và dân tộc ngày càng tăng. Sau chiến tranh, tư bản phương Tây rất nhanh chóng quay trở lại, đẩy mạnh xâm nhập kinh tế vào Trung Quốc. Kinh tế của tư bản dân tộc Trung Quốc bị cạnh tranh và chèn ép gay gắt. Kinh tế của họ muốn phát triển được nhất thiết phải thoát khỏi sự áp bức kinh tế của các nước đế quốc thông qua việc xây dựng một thể chế chính trị tốt hơn. Tôn Trung Sơn cuối cùng cũng đã chú ý và nghiên cứu tỉ mỉ về vấn đề này. Ông đau lòng cảnh báo với quốc dân: “Trung Quốc hiện nay đang chịu cảnh dân nghèo tài kiệt rồi, nếu không thay đổi, tất yếu áp lực kinh tế gia tăng sẽ dẫn đến họa mất nước mà thôi”⁽¹²⁾.

Thứ năm, trong và sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, sự giác ngộ chính trị của công nhân và nông dân Trung Quốc đã phát triển nhanh chóng. Họ tham gia ngày càng nhiều vào các cuộc đấu tranh chống đế quốc, chống phong kiến. Trước sự thoả hiệp “cùng nhau cai quản Trung Quốc” của các nước đế quốc tại Hội nghị diễn ra ở Pari năm 1919, một làn sóng phản đối rầm rộ của nhân dân Trung Quốc đã diễn ra và trở thành một phong trào mạnh mẽ vào ngày 4/5/1919. Chứng tỏ dân tộc Trung Hoa bắt đầu thức tỉnh một cách rộng rãi. Thông qua cao trào ấy, Tôn Trung Sơn đã nhìn thấy nhân dân Trung Quốc chính là một lực lượng to lớn

để chống đế quốc, chống phong kiến. Và dưới sự giúp đỡ của Đảng cộng sản Trung Quốc, phát triển vận động công nông, khiến Tôn Trung Sơn nhìn thấy lực lượng tiên phong thực hiện cuộc vận động giải phóng dân tộc. Qua đó, ông rút ra được bài học cách mạng của những lần thất bại và đi đến quyết định ba chính sách lớn: “Liên Nga, liên cộng, phù trợ công nông”.

Dưới sự tác động của những nhân tố trên, Tôn Trung Sơn đã kết thúc một thời gian dài hoang mang và do dự, nhận ra được sự thoả hiệp với chủ nghĩa đế quốc, sai lầm và nguy hiểm khi từ bỏ chủ nghĩa dân tộc. Để mưu cầu sự thống nhất và phục hưng Trung Quốc, ông lại tiếp tục nâng tư tưởng cách mạng lên một tầm cao mới, đó chính là Chủ nghĩa chính trị dân tộc “đại Trung Hoa”. Đây là giai đoạn thứ ba trong quá trình phát triển tư tưởng chủ nghĩa chính trị dân tộc của Tôn Trung Sơn. Nó được thực hiện từ sau Phong trào Ngũ tứ trở đi, với nội dung: “hoà hợp dân tộc”, “phản đế dân tộc tự cứu”, “dân tộc tự quyết” và kiến lập quốc gia dân tộc dân chủ hiện đại “đại Trung Hoa”. Cụ thể, về đối nội, khẳng định các dân tộc trong nước đều bình đẳng và được hưởng quyền tự quyết; Về tư tưởng dân tộc đối ngoại, nếu trước đây Tôn Trung Sơn từng có ảo tưởng với các cường quốc phương Tây, thậm chí có lúc ông còn hy vọng họ sẽ ủng hộ sự nghiệp cách mạng của ông. Đó là do thời trẻ Tôn Trung Sơn được hưởng nền giáo dục phương Tây, một mặt khiến ông luôn hướng đến sự ưu việt trong kinh tế, văn hoá, chính trị của tư bản phương Tây; một mặt khác khiến ông nhận thức không đầy đủ về sự xâm lược Trung Quốc của các

nước phương Tây. Cùng với sự phát triển của tình hình cách mạng, thực tế tàn khốc đã khiến Tôn Trung Sơn mở rộng tầm mắt và nhận ra được mấu chốt của vấn đề. Từ đó ông kiên quyết đấu tranh chống lại chủ nghĩa đế quốc và lực lượng quân phiệt tay sai. Chủ trương “phản đế” đã bù đắp được phần thiếu sót trong tư tưởng chủ nghĩa chính trị dân tộc thời kỳ đầu của Tôn Trung Sơn. Nó vừa là kết quả ông thu được sau một thời gian dài hoạt động cách mạng, cũng vừa là lựa chọn chính xác của ông theo dòng chảy lịch sử. Đây là sự thay đổi vĩ đại nhất trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Tôn Trung Sơn.

4. Tư tưởng chủ nghĩa chính trị dân tộc của Tôn Trung Sơn có một quá trình phát triển ban đầu từ “bài Mãn” đến sau này là “ngũ tộc cộng hoà” và chủ nghĩa dân tộc trong Chủ nghĩa tam dân mới

Quá trình phát triển này ngày một chín muồi cùng với sự chín muồi trong tư tưởng chính trị của Tôn Trung Sơn. Mặc dù có gặp trắc trở, nhưng tổng thể mà nói, tư tưởng chủ nghĩa chính trị dân tộc của Tôn Trung Sơn vẫn tiến lên theo một con đường thẳng. Vì vậy, ông được xem là nhà tư tưởng cầu tiến. Tôn Trung Sơn đã cống hiến cho quốc gia và dân tộc sự nhiệt huyết chân thành, từng bước từ bỏ những sai lầm, thiếu sót trong tư tưởng của mình để đi tới điểm đầu trong tư tưởng của thời đại. Sự ưu việt trong tư tưởng chủ nghĩa chính trị dân tộc của Tôn Trung Sơn đã trở thành tài sản tinh thần quý báu của nhân dân Trung Quốc, cổ vũ các tầng lớp

nhân sĩ tiếp tục phấn đấu để hoàn thành sự nghiệp còn dang dở của ông. Điều đó cũng khẳng định, những lý luận của ông không hề vì lịch sử lâu dài mà mất đi sự huy hoàng, ngược lại, nó vẫn luôn sáng lấp lánh trong vầng sáng của sự nghiệp xây dựng một Nhà nước dân tộc dân chủ hiện đại./.

CHÚ THÍCH

1. Dẫn theo Lưu Kiệt trong “*Chủ nghĩa dân tộc của Tôn Trung Sơn*”, Học viện quản lý, Trung Quốc, tr. 95.
2. *Tôn Trung Sơn Tuyển tập*, quyển thượng, Nxb Nhân dân, Trung Quốc, 1985, tr. 75.
3. *Tôn Trung Sơn Toàn tập*, tập 5, Cục sách Trung Hoa xuất bản, 1981, tr. 87.
4. *Tôn Trung Sơn Toàn tập*, tập 3, Cục sách Trung Hoa xuất bản, 1981, tr. 283.
5. Hải Tư, *Sử thế giới*, quyển hạ [M], Hiệu sách Tam Liên, 1975, tr. 1147.
6. *Tôn Trung Sơn Toàn tập*, tập 5 [M], Bắc Kinh, Cục sách Trung Hoa xuất bản, 1985, tr. 480.
7. *Lịch sử cận đại Trung Quốc*, Nxb Khoa học, Matxcơva, 1976 (bản dịch viết tay của Phan Văn Ban), tr. 561-562.
8. *Tôn Trung Sơn ngoại tập* [M], Thượng Hải, Nxb Nhân dân, 1990, tr. 403-404.
9. *Tôn Trung Sơn Toàn tập*, tập 2 [M], Cục sách Trung Hoa xuất bản, 1981, tr. 631.
10. *Tôn Trung Sơn Toàn tập*, tập 8 [M], Bắc Kinh, Cục sách Trung Hoa xuất bản, 1986, tr. 326.
11. Nghê Kiện Trung, *Trung Quốc trên bàn cân*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 414.
12. *Tôn Trung Sơn Toàn tập*, tập 9 [M], Bắc Kinh: Cục sách Trung Hoa xuất bản, 1988, tr. 208-209.